

HƯỚNG DẪN

**Nghị quyết cho vay đối với người lao động đi làm việc
ở nước ngoài theo hợp đồng**

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020;

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc NHCSXH; người lao động được vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại NHCSXH; Doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp được Nhà nước cho phép đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (sau đây gọi tắt là Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài).

2. Đối tượng cho vay

2.1. Người lao động thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ;

2.2. Người lao động thuộc diện hộ cận nghèo theo chuẩn cận nghèo được Thủ tướng Chính phủ quy định từng thời kỳ;

2.3. Người lao động là người dân tộc thiểu số;

2.4. Người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng. Thân nhân người có công với cách mạng được Ủy ban nhân dân xã xác nhận theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

2.5. Người lao động bị thu hồi đất gồm:

- Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp đã được Nhà nước giao đất nông nghiệp theo quy định (trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân là cán bộ, công nhân viên của nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp) khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thu hồi;

- Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở kết hợp kinh doanh, dịch vụ mà phải di chuyển chỗ ở.

2.6. Người lao động tại các huyện nghèo có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Nguyên tắc cho vay

3.1. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay;

3.2. Khách hàng vay vốn phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng;

3.3. Đúng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo công khai, minh bạch.

4. Điều kiện cho vay

Đối tượng vay vốn phải có đủ các điều kiện sau:

4.1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

4.2. Cư trú hợp pháp tại địa phương;

4.3. Có nhu cầu vay vốn để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, đã ký kết hợp đồng với doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

4.4. Có bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và của NHCSXH (nếu có);

4.5. Các đối tượng sau cần có thêm điều kiện:

- Đối tượng vay vốn quy định tại Điểm 2.5 Khoản 2 văn bản này có Quyết định thu hồi đất trong vòng 5 năm kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất;

- Đối tượng vay vốn quy định tại Điểm 2.6 Khoản 2 văn bản này có hộ khẩu thường trú từ đủ 12 tháng trở lên tại các huyện nghèo và được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng với Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

5. Mức cho vay

Mức cho vay tối đa bằng 100% chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đã ký kết giữa người lao động và Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

6. Lãi suất cho vay

6.1. Lãi suất cho vay ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bằng lãi suất cho vay vốn đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định

từng thời kỳ (hiện nay, lãi suất cho vay hộ nghèo là 6,6%/năm). Riêng đối tượng vay vốn quy định tại Điểm 2.6 Khoản 2 văn bản này là người lao động thuộc hộ nghèo hoặc người dân tộc thiểu số được vay vốn với mức lãi suất bằng 50% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định từng thời kỳ.

6.2. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất khi cho vay.

7. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng không vượt quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động ghi trong hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

8. Bảo đảm tiền vay

8.1. Đối với mức vay từ 100 triệu đồng trở lên, khách hàng vay vốn phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và theo văn bản hướng dẫn bảo đảm tiền vay của NHCSXH.

8.2. Đối tượng vay vốn quy định tại Điểm 2.6 Khoản 2 văn bản này không phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo Điểm 8.1 Khoản này.

9. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay được sử dụng vào việc chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài theo quy định được ghi theo hợp đồng ký kết giữa người lao động và Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

10. Phương thức cho vay

NHCSXH cho vay trực tiếp đến người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng tại trụ sở Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, trụ sở NHCSXH cấp huyện nơi người lao động cư trú hợp pháp (sau đây gọi tắt là NHCSXH nơi cho vay).

11. Thủ tục, quy trình cho vay

11.1. Hồ sơ vay vốn:

Khách hàng vay vốn viết Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 01/LĐNN gửi kèm các giấy tờ sau:

- Bản sao có chứng thực Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú;

- Bản sao có chứng thực hộ chiếu còn thời hạn của người lao động;

- Bản sao có chứng thực hợp đồng ký kết giữa người lao động với Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;

- Văn bản ủy quyền của người lao động Mẫu số 03/LĐNN;

- Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay Mẫu số 07/LĐNN (sau đây viết tắt là Hợp đồng thỏa thuận) đối với trường hợp người lao động được Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài quản lý tiền lương;

- Đối với khách hàng vay vốn là thân nhân của người có công với cách mạng nộp Bản sao có chứng thực Giấy xác nhận Mẫu số 4 ban hành theo Nghị định số 74/2019/NĐ-CP;

- Đối với khách hàng vay vốn thuộc đối tượng bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ nộp Bản sao có chứng thực Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền;

- Các giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm trong trường hợp khoản vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định.

11.2. Quy trình cho vay:

Trong vòng 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ vay vốn, Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tín dụng thực hiện:

- Kiểm tra, đối chiếu, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của đối tượng vay vốn, hồ sơ vay vốn, đồng thời lập Báo cáo thẩm định Mẫu số 02/LĐNN trình Trưởng phòng Kế hoạch - nghiệp vụ /Tổ trưởng tổ Kế hoạch – Nghiệp vụ Tín dụng kiểm soát, sau đó trình Giám đốc xem xét phê duyệt hồ sơ vay vốn.

+ Nếu không phê duyệt thì NHCSXH nơi cho vay thông báo từ chối cho vay Mẫu số 04a/LĐNN ghi rõ lý do từ chối gửi đến khách hàng vay vốn.

+ Nếu phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay Mẫu 04/LĐNN đến khách hàng vay vốn.

- NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng vay vốn lập Hợp đồng tín dụng Mẫu số 05/LĐNN; lập Hợp đồng bảo đảm tiền vay và thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay (nếu có) theo quy định của pháp luật và quy định của NHCSXH.

- Báo cáo thẩm định và các hợp đồng nêu trên được lập phù hợp với từng đối tượng vay vốn, loại tài sản bảo đảm nhưng phải tuân thủ theo nội dung mẫu hướng dẫn tại văn bản này và được đánh máy.

- Sau khi hồ sơ vay vốn được hoàn thiện được bàn giao cho bộ phận kế toán làm căn cứ giải ngân vốn vay cho khách hàng, trong đó Báo cáo thẩm định được lập 02 bản theo Mẫu số 02/LĐNN, 01 bản lưu tại bộ phận tín dụng, 01 bản lưu tại bộ phận kế toán.

- Trước khi giải ngân vốn vay NHCSXH nơi cho vay: nhập kho hồ sơ bảo đảm tiền vay và giấy tờ liên quan đến bảo đảm tiền vay (nếu có) theo quy định hiện hành của NHCSXH; hướng dẫn khách hàng vay vốn thực hiện mở tài khoản tiền gửi thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay. Việc mở tài khoản tiền gửi thanh toán được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

12. Giải ngân

NHCSXH giải ngân vốn vay cho khách hàng tại NHCSXH nơi cho vay bằng hình thức chuyển khoản cho Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Khi giải ngân, cán bộ NHCSXH ghi đầy đủ nội dung và yêu cầu khách hàng vay vốn ký nhận tiền vay trên 03 bản phụ lục Hợp đồng tín dụng và phiếu giao dịch theo quy định.

13. Định kỳ hạn trả nợ, trả lãi

NHCSXH nơi cho vay thoả thuận với khách hàng vay vốn về kỳ hạn trả nợ gốc, lãi tiền vay, nhưng tối đa không quá 6 tháng/kỳ.

Riêng đối tượng vay vốn quy định tại Điểm 2.6 Khoản 2 văn bản này NHCSXH nơi cho vay thoả thuận với khách hàng vay vốn về kỳ hạn trả nợ gốc, lãi tiền vay, nhưng tối đa không quá 12 tháng/kỳ.

14. Thu nợ, thu lãi

- NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán của người vay mở tại NHCSXH để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ gốc trước hạn.

- Nếu khách hàng vay vốn chưa trả hết lãi của kỳ này thì chuyển sang thu vào kỳ kế tiếp.

- Trường hợp khách hàng vay vốn trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

15. Xử lý nợ đến hạn

15.1. Điều chỉnh kỳ hạn nợ

- Đến kỳ hạn trả nợ, khách hàng vay vốn không trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, trước 05 ngày đến hạn theo từng kỳ trả nợ, người vay hoặc người được ủy quyền phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ Mẫu số 08/LĐNN gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho một kỳ hạn trả nợ có thể được thực hiện một hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

- Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt và được lưu ở bộ phận kế toán.

- Trường hợp khách hàng vay vốn không trả được nợ hoặc không được NHCSXH nơi cho vay điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì số tiền đến hạn của kỳ đó sẽ chuyển sang nợ quá hạn. Khi chuyển nợ quá hạn NHCSXH nơi cho vay lập thông báo chuyển nợ quá hạn Mẫu số 11/LĐNN gửi cho khách hàng vay vốn hoặc người được ủy quyền và được lưu ở bộ phận kế toán.

- Riêng đối tượng vay vốn quy định tại Điểm 2.6 Khoản 2 văn bản này đến kỳ hạn trả nợ, người vay không trả được nợ thì được chuyển theo dõi sang kỳ hạn tiếp theo.

15.2. Gia hạn nợ

- Trước 30 ngày đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo nợ đến hạn đến người vay hoặc người được ủy quyền theo Mẫu số 10/LĐNN. Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, khách hàng vay vốn không trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ, thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ người vay hoặc người được ủy quyền phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ Mẫu số 09/LĐNN gửi NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

- Giấy đề nghị gia hạn nợ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phê duyệt và được lưu ở bộ phận kế toán.

- Việc gia hạn nợ có thể thực hiện một hay nhiều lần nhưng tối đa không quá thời hạn cho vay đối với món vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay đối với món vay có thời hạn trên 12 tháng.

15.3 Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà khách hàng chưa trả được, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà khách hàng chưa trả được nợ không được NHCSXH nơi cho vay xem xét gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

16. Xử lý các vi phạm

Căn cứ vào kết quả kiểm tra, mức độ vi phạm Hợp đồng tín dụng để quyết định xử lý như sau:

16.1. Tạm dừng cho vay khi khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết theo các điều khoản ghi trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

16.2. Chấm dứt cho vay: Khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết theo các điều khoản ghi trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục sửa chữa. Trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày thông báo cho khách hàng vay vốn về việc chấm dứt cho vay, NHCSXH nơi cho vay phải thực hiện thu hồi nợ trước hạn, trường hợp khách hàng vay vốn không thực hiện trả nợ theo thông báo thì chuyển số nợ vi phạm sang nợ quá hạn. Thông báo của NHCSXH nơi cho vay Mẫu số 12/LĐNN về việc chấm dứt cho vay được lưu ở bộ phận kế toán.

16.3. Chuyển nợ quá hạn:

- Khách hàng vay vốn sử dụng tiền vay sai mục đích được ghi trong Hợp đồng tín dụng, tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm khách hàng vay vốn không thực hiện trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn; các trường hợp chuyển nợ quá hạn tại Mục 15.3 khoản 15 văn bản này.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho khách hàng vay vốn hoặc người được ủy quyền theo Mẫu số 11/LĐNN, đồng thời thông báo cho các cơ quan liên quan (Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, chính quyền địa phương,...) để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc làm thủ tục chuyển hồ sơ sang cơ quan Pháp luật để đề nghị xử lý.

16.4. Xử lý tài sản bảo đảm:

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển số dư còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì NHCSXH nơi cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đề nghị xử lý. Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của NHCSXH.

16.5. NHCSXH nơi cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

a) Khách hàng vay vốn vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

b) Khách hàng vay vốn có nợ quá hạn, có năng lực tài chính, có khả năng trả nợ nhưng cố tình không trả nợ theo thỏa thuận;

c) Khách hàng vay vốn có hành vi lừa đảo;

d) Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

17. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

18. Kiểm tra, giám sát

Trong thời gian 30 ngày kể từ ngày giải ngân, NHCSXH nơi cho vay trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay.

- Khách hàng vay vốn gửi bản sao kết quả cấp thị thực từ cơ quan có thẩm quyền, vé máy bay và thông báo xuất cảnh của Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (nếu có) cho NHCSXH nơi cho vay để lưu vào hồ sơ vay vốn.

- Cán bộ tín dụng được phân công có trách nhiệm thông qua người được ủy quyền, Công an xã, Trưởng thôn, UBND cấp xã để kiểm tra và xác nhận việc xuất cảnh của khách hàng vay vốn, tình trạng vắng mặt tại địa phương để đi làm việc ở nước ngoài theo Mẫu số 06/LĐNN.

- Việc kiểm tra có thể thực hiện đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc xuất phát từ nhu cầu thực tế của NHCSXH.

- Việc kiểm tra giám sát của Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh đối với Phòng giao dịch cấp huyện và bộ phận cho vay tại cấp tỉnh ngoài thực hiện kiểm tra theo quy định thì đối với những món vay từ 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện kiểm tra trong phạm vi 06 tháng kể từ ngày NHCSXH giải ngân lần cuối cùng; Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình cho vay, tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn, hồ sơ bảo đảm tiền vay, hiện trạng tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có), kiểm tra thực tế khách hàng vay vốn về mục đích sử dụng vốn (nếu có thể) và các nội dung liên quan khác.

19. Hạch toán kế toán

Việc hạch toán cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH.

20. Chế độ báo cáo thống kê

20.1. Báo cáo trong hệ thống NHCSXH: Việc báo cáo Kết quả cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng được thực hiện theo quy định hiện hành của Tổng Giám đốc NHCSXH.

20.1. Lập báo cáo về thực hiện cho vay chương trình này theo yêu cầu của ngành Lao động Thương binh và Xã hội, UBND cùng cấp (nếu có).

21. Tổ chức thực hiện

21.1. NHCSXH nơi cho vay có trách nhiệm báo cáo UBND và Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cùng cấp để triển khai thực hiện văn bản Hướng dẫn này, đồng thời tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho vay theo nội dung văn

bản Hướng dẫn tới cán bộ NHCSXH; quán triệt đến toàn thể cán bộ trong đơn vị thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo cho vay đúng đối tượng, đúng chính sách.

21.2. Đối với khách hàng vay vốn tại huyện nghèo:

- Thời gian giải ngân vốn vay đối với khách hàng vay vốn tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ đến hết ngày 31/12/2020. NHCSXH nơi cho vay rà soát, đối chiếu đảm bảo khách hàng vay vốn đang cư trú hợp pháp tại các địa bàn thuộc huyện nghèo tại Nhóm 1 và Nhóm 3 quy định tại Điều 1 Quyết định số 275/QĐ-TTg ngày 07/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các huyện nghèo và huyện thoát nghèo giai đoạn 2018 - 2020.

- Khách hàng vay vốn đã được vay vốn theo quy định tại Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ trước ngày Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, đang còn dư nợ thì tiếp tục thực hiện theo hợp đồng vay vốn đã ký kết.

21.3. Đối với nguồn vốn do NHCSXH nhận ủy thác của địa phương và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thì NHCSXH nơi nhận ủy thác căn cứ vào nội dung văn bản này để tham mưu, thỏa thuận với bên ủy thác cho phù hợp;

21.4. NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền chủ trương chính sách tín dụng tới các cấp, các ngành và người dân biết để thực hiện và giám sát, chú trọng phổ biến nội dung Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP.

22. Hiệu lực của văn bản

22.1. Văn bản này thay thế các văn bản của Tổng Giám đốc NHCSXH:

- Văn bản số 2667/NHCS-TDNN ngày 21/9/2009 về Hướng dẫn thực hiện cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động theo Quyết định số 71/2009/QĐ - TTg ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 4289/NHCS-TDNN ngày 11/11/2015 Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Văn bản số 313/NHCS-TDNN ngày 01/2/2016 Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ;

- Văn bản số 607/NHCS-TDNN ngày 15/3/2016 Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đi làm việc ở nước ngoài đối với người lao động thuộc hộ nghèo, người dân tộc thiểu số;

- Văn bản số 5696/NHCS-TDNN ngày 30/12/2016 Hướng dẫn thực hiện cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc đối tượng của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP;

- Văn bản số 4397/NHCS-TDNN ngày 10/10/2017 Hướng dẫn thay đổi mẫu biểu cho vay đi làm việc ở nước ngoài;

- Văn bản số 5339/NHCS-TDNN ngày 14/12/2018 Hướng dẫn cho vay người lao động thuộc huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg.

Nội dung tại các văn trên và các nội dung trả lời vướng mắc sau tập huấn, trả lời vướng mắc cho các địa phương trái với hướng dẫn tại văn bản này đều hết hiệu lực thi hành.

22.2. Đối với đối tượng vay vốn được quy định tại Điểm 2.6 Khoản 2 văn bản này có hiệu lực kể từ ngày 25/10/2019; đối với đối tượng vay vốn được quy định tại Điểm 2.1, 2.1, 2.3, 2.4, 2.5 Khoản 2 văn bản này có hiệu lực từ ngày 08/11/2019.

22.3. Những nội dung không hướng dẫn tại văn bản này được thực hiện theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP, Nghị định số 74/2019/NĐ-CP và Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

22.4. Trường hợp sau ngày ban hành văn bản này có sự thay đổi của các văn bản quy phạm pháp luật dẫn tới việc áp dụng văn bản này trái với quy định của pháp luật thì NHCSXH thực hiện theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện. Nếu có vướng mắc, báo cáo Tổng Giám đốc (qua Ban Tín dụng Người nghèo) để xem xét, giải quyết. /.

Nơi nhận:

- VP Chính phủ;
- Bộ tài chính; Ngân hàng nhà nước
- Bộ Lao động - TB&XH;
- Chủ tịch HĐQT NHCSXH;
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Tổng Giám đốc, TBKS;
- Các PTGD, KTT;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- TTĐT, TTCNTT, SGD;
- Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố;
- Các Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện;
- Lưu: VT, TDNN.

} (để báo cáo)



Nguyễn Văn Lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN
ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên:.....Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc: Giới tính:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp:/...../.....Nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:.....

Địa chỉ hiện tại:

Điện thoại:

Thuộc đối tượng:

- Người lao động là thành viên hộ nghèo ☐
- Người lao động là thành viên hộ cận nghèo ☐
- Người lao động là người dân tộc thiểu số ☐
- Người lao động là thân nhân người có công với cách mạng ☐
- Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất ☐
- Người thường trú tại huyện nghèo ⁽¹⁾ ☐

Tôi có nhu cầu vay vốn để chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài được ghi trên hợp đồng số tại quốc gia/vùng lãnh thổ ký ngày/...../.....với (doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài).....

..... (2)

địa chỉ trong thời hạn tháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng.

(Bằng chữ:).

Thời hạn vay: tháng, Định kỳ hạn trả nợ gốc: tháng/kỳ.

Trả lãi:

01

Tài sản dùng để bảo đảm tiền vay (nếu có):

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (Đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,

THỊ TRẤN

Ông/bà:
hiện đang⁽³⁾
.....
thuộc đối tượng⁽⁴⁾
.....
trong danh sách UBND xã quản lý./.

....., ngày tháng năm

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Ghi chú:

- (1) Trường hợp người vay là thành viên hộ nghèo, người dân tộc thiểu số thường trú hợp pháp tại huyện nghèo 30a thì tích tại các ô người thường trú ở huyện nghèo, đồng thời tích vào ô hộ nghèo hoặc Dân tộc thiểu số, nếu là người lao động thường trú tại huyện nghèo 30a không phải là thành viên hộ nghèo, người dân tộc thiểu số thì chỉ tích tại ô người thường trú tại huyện nghèo.
- (2) Ghi đầy đủ tên của Doanh nghiệp đưa người đi lao động làm việc ở nước ngoài (bao gồm cả tên viết tắt).
- (3) Đối với lao động tại huyện nghèo đề nghị UBND cấp xã xác nhận rõ người lao động có hộ khẩu thường trú của từ đủ 12 tháng trở lên. Các đối tượng còn lại xác nhận ghi rõ cư trú hợp pháp tại địa phương.
- (4) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận rõ đối tượng vay vốn thuộc diện hộ nghèo/hộ cận nghèo/hộ đồng bào dân tộc thiểu số/thân nhân người có công với cách mạng/người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất. Riêng đối với lao động thuộc huyện nghèo cần ghi rõ là hộ nghèo hoặc người dân tộc thiểu số hoặc người lao động khác thường trú tại huyện nghèo.



NHCSXH tỉnh/TP.....
PGD huyện.....

Mẫu số: 02/LĐNN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020;

Căn cứ văn bản hướng dẫn số 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) về hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Tên tôi là Chức vụ:.....
đã tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị vay vốn của người vay vốn. Thời gian thẩm định từ ngày/...../.....đến ngày/...../.....và báo cáo kết quả như sau:

A. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Thông tin về khách hàng vay vốn

Họ và tên khách hàng vay vốn:.....
Ngày sinh:...../...../.....; Dân tộc:.....; Giới tính:
Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân) số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
Hộ chiếu sốngày cấp...../...../..... hạn sử dụng đến/...../.....
Số điện thoại:.....Thư điện tử.....

2. Thông tin về người được ủy quyền

Họ và tên người được ủy quyền:.....
Ngày sinh:...../...../.....; Dân tộc:.....; Giới tính:
Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân) số:
Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Số điện thoại:..... Thư điện tử
Về năng lực hành vi dân sự :.....

Cam kết của người được ủy quyền về việc trả nợ, trả lãi và thực hiện các nội dung được ủy quyền:

3. Kết quả kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ vay vốn

- Giấy đề nghị vay vốn (Mẫu 01/LĐNN)
- Giấy xác nhận đối với người lao động là thân nhân của người có công với cách mạng (nếu có)
- Quyết định thu hồi đất của cấp có thẩm quyền (nếu có)

4. Kết quả kiểm tra, thẩm định Hợp đồng đưa người đi lao động ở nước ngoài

- Về Doanh nghiệp ký Hợp đồng với người lao động có tên trên Website của Cục Quản lý lao động ngoài nước và Doanh nghiệp được cấp phép của Bộ Lao động Thương binh và xã hội

- Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài do Doanh nghiệp ký với người lao động đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 22/2013/TT-BLĐTBXH do đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài ký với người lao động

- Chi phí trong Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với các quy định hiện hành (trường hợp có khoản chi phí bất thường, ngoài quy định thì Doanh nghiệp ký kết Hợp đồng với người lao động phải có ý kiến giải trình)

- Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển tiền lương của người lao động sang NHCSXH nơi cho vay để trả nợ, lãi tiền vay đã được Doanh nghiệp xác nhận (nếu có)

- Danh sách đăng ký Hợp đồng đưa thực tập sinh đi thực tập tại Nhật Bản đã được Cục Quản lý lao động ngoài nước cho phép thực hiện (nếu có)

- Giấy xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đúng nội dung đã xác nhận

- Xác minh tài khoản, tên chủ tài khoản, đơn vị thụ hưởng có khớp đúng với tên Doanh nghiệp đã ký kết với người lao động để nhận tiền vay của người lao động hay không

- Xác định thời hạn đi làm việc ở nước ngoài của người lao động trên hợp đồng làm cơ sở phê duyệt cho vay:

- Các loại giấy tờ khác (nếu có):

5. Kiểm tra thực tế đối với người đề nghị vay vốn

- Sức khỏe, năng lực hành vi dân sự của người vay:

- Người vay vốn thuộc đối tượng:
- Thực trạng cư trú của người vay:
- Số tiền đề nghị vay vốn: đồng.

(Bằng chữ:)

- Mục đích sử dụng tiền vay (ghi rõ thị trường đi làm việc ở nước ngoài, số tiền ghi trên hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài):

- Thời hạn đề nghị vay vốn: kể từ ngày/...../..... đến ngày/...../..... xác định theo ngày làm việc cuối cùng ghi trên hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã ký kết với Doanh nghiệp.

- Nguồn trả nợ:
- Cam kết của người vay:

- Các nội dung liên quan khác

6. Thông tin về tài sản bảo đảm (nếu có)

- Tài sản bảo đảm là nhà ở
- + Giá trị tài sản bảo đảm: đồng
- + Thông tin khác:

- Tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của vào sổ cấp Giấy chứng nhận số

+ Thửa đất: Thửa đất số, Tờ Bản đồ số, Địa chỉ
Diện tích m², Hình thức sử dụng

- + Nhà ở: Loại nhà ở Diện tích xây dựng m²
- + Tài sản gắn liền với đất khác
- Thông tin khác:

B. NHẬN XÉT, KIỂM SOÁT VÀ PHÊ DUYỆT CHO VAY

1. Nhận xét

Nhận xét về các nội dung đã thẩm định nêu trên

Nhận xét khác:

Khách hàng đủ điều kiện/không đủ điều kiện vay vốn:

Trường hợp không đủ điều kiện vay vốn cần nêu rõ lý do:

Căn cứ bộ hồ sơ đề nghị vay vốn và kết quả thẩm định, cán bộ tín dụng đề nghị Giám đốc Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH nơi cho vay phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

- Không phê duyệt cho vay – Lý do không phê duyệt cho vay:

- Phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

+ Tổng số tiền cho vay: đồng.

(Bằng chữ:)

+ Từ nguồn vốn:

+ Mục đích sử dụng tiền vay:

+ Hình thức giải ngân: chuyển khoản cho Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo số tài khoản tại Ngân hàng

+ Thời hạn cho vay tháng.

+ Lãi suất cho vay: %/năm; Lãi suất quá hạn: % lãi suất khi cho vay.

+ Định kỳ hạn trả nợ gốc và lãi tương ứng: tháng/kỳ, vào ngày

Tài sản dùng để bảo đảm tiền vay:

....., Ngày tháng năm

CÁN BỘ THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ và tên)

KIỂM SOÁT VÀ PHÊ DUYỆT CHO VAY

....., Ngày tháng năm

**TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH – NGHIỆP VỤ HOẶC
TỔ TRƯỞNG TỔ KẾ HOẠCH - NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG**

(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Báo cáo Thẩm định được đánh máy, quá trình thẩm định nội dung nào thì cán bộ thẩm định đưa vào Báo cáo nội dung đó và có nhận xét chi tiết cho từng nội dung thẩm định đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện. Riêng thông tin tài khoản thanh toán, tên chủ tài khoản, đơn vị thụ hưởng của Doanh nghiệp đã ký kết với người lao động để nhận tiền vay của khách hàng vay vốn nếu không khớp đúng với thông tin của Doanh nghiệp trên hợp đồng lao động thì kiến nghị không phê duyệt cho vay. Báo cáo thẩm định được lập thành 2 bản, 01 bản lưu tại bộ phận tín dụng, 01 bản lưu tại bộ phận kế toán.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ỦY QUYỀN

Căn cứ bộ Luật dân sự năm 2015 và các quy định pháp luật khác có liên quan;
Căn cứ Hợp đồng đưa người đi lao động ở nước ngoài số ký ngày
giữa Ông (bà) với
Doanh nghiệp

Hôm nay, ngày tháng năm tại
chúng tôi gồm:

I. BÊN ỦY QUYỀN:

- Họ tên người ủy quyền:; Năm sinh:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....
Nơi cấp
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại địa chỉ hòm thư điện tử

II. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

- Họ tên người nhận ủy quyền:; Năm sinh:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....
Nơi cấp
- Địa chỉ thường trú:
- Số điện thoại địa chỉ hòm thư điện tử

III. NỘI DUNG ỦY QUYỀN

Bên ủy quyền ủy quyền cho Bên nhận ủy quyền thực hiện một số nội
dung công việc, nghĩa vụ của Bên ủy quyền trong việc thực hiện vay vốn tại Chi
nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH
(sau đây gọi là NHCSXH nơi cho vay) như sau:

1. Bên ủy quyền ủy quyền cho Bên nhận ủy quyền thực hiện nộp tiền vào
tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên ủy quyền mở tại NHCSXH nơi cho vay để
NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích thu nợ, thu lãi theo Hợp đồng tín dụng đã
được ký kết giữa Bên ủy quyền với NHCSXH nơi cho vay.
2. Bên nhận ủy quyền được thay mặt bên ủy quyền để nhận các thông báo
từ NHCSXH nơi cho vay và thực hiện các thủ tục đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả
nợ, gia hạn nợ trong trường hợp chưa trả nợ gốc, trả lãi theo thỏa thuận trên Hợp
đồng tín dụng và một số nội dung công việc, hồ sơ thủ tục khác theo yêu cầu
NHCSXH nơi cho vay.

3. Tập hợp cung cấp các hồ sơ chứng minh việc sử dụng vốn của người ủy quyền cho Ngân hàng bao gồm bản sao các loại giấy tờ sau: kết quả cấp thị thực của cơ quan có thẩm quyền, vé máy bay, thông báo xuất cảnh của Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (nếu có).

IV. CAM KẾT

1. Các bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung ủy quyền tại văn bản này.

2. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi quyền và nghĩa vụ giữa người ủy quyền với Ngân hàng Chính sách xã hội kết thúc theo quy định.

3. Bên ủy quyền và Bên nhận ủy quyền đã hiểu rõ mọi quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình. Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết trong nội dung ủy quyền nêu trên.

Giấy ủy quyền này được lập 03 bản có giá trị pháp lý như: 01 bản gửi NHCSXH nơi cho vay, Bên ủy quyền và Bên nhận ủy quyền mỗi người giữ 01 bản./.

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Văn bản ủy quyền được các bên thỏa thuận thực hiện công chứng hoặc chứng thực tại cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định hiện hành của pháp luật.

NHCSXH tỉnh, TP
PGD quận, huyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO
KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY**

Kính gửi: Ông (bà)

Địa chỉ:.....

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo phê duyệt cho vay đối với Ông (bà) như sau:

- Số tiền phê duyệt cho vay: đồng;
- Mục đích cho vay:
- Thời hạn cho vay: tháng,

Trân trọng thông báo để Ông (bà) đến trụ sở giao dịch của chi
nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH tỉnh/huyện
Địa chỉ

Vào lúc giờ, ngày tháng năm..... để ký Hợp đồng
tín dụng và làm các thủ tục liên quan khác theo đúng quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, xin liên hệ với Ông (bà)
chức vụ số điện thoại/.

Trân trọng thông báo!

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: Thông báo kết quả phê duyệt cho vay được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại NHCSXH, 01 bản gửi
cho khách hàng vay vốn.



NHCSXH tỉnh, TP.....
PGD quận, huyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi: Ông (bà)

Địa chỉ:

Ngày..... tháng năm....., Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị vay vốn của Ông (bà) gửi đến.

Sau khi thẩm định, kiểm tra chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh/huyện thông báo từ chối cho vay đối với Ông (bà)..... vì những lý do như sau:

-
-
-

Trường hợp ông(bà) có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã gửi về Ngân hàng đề nghị Ông(bà) đến trụ sở NHCSXH địa chỉ trong giờ làm việc để nhận lại hồ sơ.

Trân trọng thông báo!

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

Số: /HĐ-TD

- Căn cứ bộ Luật dân sự năm 2015 và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan;

- Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

- Căn cứ Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất;

- Căn cứ Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng đến năm 2020;

Căn cứ văn bản số: 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ hồ sơ vay vốn của Ông(bà)
ngày tháng năm

Hôm nay, ngày tháng năm tại
chúng tôi gồm:

BÊN CHO VAY:

- Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) nơi cho vay:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: địa chỉ thư điện tử
- Người đại diện: Chức vụ:
- Giấy ủy quyền (nếu có): Số ngày..... tháng ... năm của

BÊN VAY:

- Họ tên người vay:; Ngày sinh:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....
Nơi cấp
- Hộ khẩu thường trú:
- Địa chỉ hiện tại:
- Điện thoại: địa chỉ thư điện tử

- Tài khoản tiền gửi: Tại NHCSXH

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay: đồng.
(Bằng chữ:).

2. Đồng tiền cho vay và trả nợ: Việt Nam Đồng (VND)

3. Thời hạn cho vay: tháng, bắt đầu từ/...../.....;
hạn trả nợ cuối cùng ngày/...../.....;

4. Hình thức giải ngân: chuyển khoản

5. Lãi suất tiền vay:%/năm.

- Lãi suất quá hạn:% lãi suất khi cho vay

6. Kỳ hạn trả nợ gốc, lãi tiền vay: tháng/1 kỳ, kể từ ngày người vay nhận khoản vay đầu tiên. Các kỳ hạn trả nợ được trả theo kế hoạch sau:

Kỳ 1. Ngày...../...../..... số tiền trả nợ gốc đồng, số tiền trả lãi đồng

Kỳ 2. Ngày...../...../..... số tiền trả nợ gốc đồng, số tiền trả lãi đồng

Kỳ 3. Ngày...../...../..... số tiền trả nợ gốc đồng, số tiền trả lãi đồng

Kỳ 4. Ngày...../...../..... số tiền trả nợ gốc đồng, số tiền trả lãi đồng

Kỳ 5. Ngày...../...../..... số tiền trả nợ gốc đồng, số tiền trả lãi đồng

Kỳ 6. Ngày...../...../..... số tiền trả nợ gốc đồng, số tiền trả lãi đồng

.....

7. Trả nợ, trả lãi

a) Thỏa thuận về trả nợ, trả lãi

- Đến kỳ hạn theo thỏa thuận Bên cho vay được tự động trích từ tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên vay mở tại NHCSXH nơi cho vay để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận trên Hợp đồng tín dụng. Bên vay có thể trả nợ gốc trước hạn.

- Trường hợp Bên vay chưa trả hết lãi của kỳ này thì chuyển sang thu vào kỳ kế tiếp.

- Trường hợp Bên vay trả nợ trước hạn, trả nợ quá hạn thì thu gốc đến đâu, thu hết lãi tương ứng của phần gốc đó.

b) Hình thức thu nợ, thu lãi

- Đối với Doanh nghiệp quản lý tiền lương của Bên vay, thì Bên vay, Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc theo hợp đồng và NHCSXH nơi cho vay thực hiện ký hợp đồng thỏa thuận về việc Doanh nghiệp chuyển khoản tiền lương của người lao động hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên vay mở tại NHCSXH nơi cho vay (theo hợp đồng mẫu số 07/LĐNN đính kèm).

- Bên vay (người ủy quyền theo văn bản ủy quyền) thực hiện việc trả nợ, trả lãi theo Hợp đồng tín dụng bằng hình thức nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên vay mở tại NHCSXH nơi cho vay.

c) Bên vay chấp thuận để Bên cho vay được quyền tự động trích số dư trong tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên vay tại NHCSXH nơi cho vay để thu nợ gốc và lãi theo kỳ đã thỏa thuận tại Hợp đồng này.

Điều 2. Giải ngân

1. Tiền vay được giải ngân sau khi Bên vay hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ. Bên cho vay thực hiện chuyển khoản số tiền vay cho Bên vay vào tài khoản số Mở tại của Doanh nghiệptheo hợp đồng đã ký kết giữa Bên vay và Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Khi giải ngân, Bên vay phải mang Hợp đồng tín dụng này để các bên cùng ký xác nhận vào Phụ lục Hợp đồng, phần theo dõi cho vay - thu nợ (Phụ lục Hợp đồng tín dụng là phần không tách rời của Hợp đồng tín dụng).

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

.....
.....

Điều 4. Bảo đảm tiền vay (nếu có)

- Áp dụng bảo đảm tiền vay:
- Hình thức bảo đảm tiền vay:
- Tài sản bảo đảm tiền vay như sau:

STT	Tên tài sản	Giấy tờ pháp lý về tài sản

- Nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng này được bảo đảm bằng Hợp đồng bảo đảm tài sản theo quy định của pháp luật và NHCSXH.

Điều 5. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

1. Điều chỉnh kỳ hạn nợ

- Đến kỳ hạn trả nợ, Bên vay không trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, trước 05 ngày đến hạn theo từng kỳ trả nợ, Bên vay hoặc người được ủy quyền phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ Mẫu số 08/LĐNN gửi Bên cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho một kỳ hạn trả nợ có thể được thực hiện một hoặc nhiều lần nhưng tối đa không quá 6 tháng cho mỗi kỳ hạn trả nợ.

- Trường hợp Bên vay không trả được nợ hoặc không được Bên cho vay điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì số tiền đến hạn của kỳ đó sẽ chuyển sang nợ quá hạn. Khi chuyển nợ quá hạn Bên cho vay lập thông báo chuyển nợ quá hạn Mẫu số 11/LĐNN gửi cho Bên vay hoặc người được ủy quyền.

- Trường hợp Bên vay cư trú tại các huyện nghèo và được vay vốn theo Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg đến kỳ hạn trả nợ, Bên vay không trả được nợ thì được chuyển theo dõi sang kỳ hạn tiếp theo.

2. Gia hạn nợ

- Trước 30 ngày đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, Bên cho vay gửi Thông báo nợ đến hạn đến Bên vay hoặc người được ủy quyền theo Mẫu số 10/LĐNN. Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, Bên vay không trả được nợ do nguyên nhân khách quan và có nhu cầu xin gia hạn nợ, thì trước 05 ngày đến hạn trả nợ Bên vay hoặc người được ủy quyền phải có Giấy đề nghị gia hạn nợ Mẫu số 09/LĐNN gửi Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ.

- Việc gia hạn nợ có thể thực hiện một hay nhiều lần nhưng tối đa không quá thời hạn cho vay đối với món vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống và tối đa không quá 1/2 thời hạn cho vay đối với món vay có thời hạn trên 12 tháng.

3. Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà Bên vay chưa trả được, không được Bên cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà Bên vay chưa trả được nợ không được Bên cho vay xem xét gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang nợ quá hạn.

Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay lập thông báo chuyển nợ quá hạn Mẫu số 11/LĐNN gửi cho Bên vay hoặc người được ủy quyền.

Điều 6. Xử lý các vi phạm

1. Tạm dừng cho vay khi Bên vay vi phạm cam kết theo các điều khoản ghi trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

2. Chấm dứt cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết theo các điều khoản ghi trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục sửa chữa. Trong thời hạn tối đa 03 tháng kể từ ngày thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, Bên cho vay phải thực hiện thu hồi nợ trước hạn, trường hợp Bên vay không thực hiện trả nợ theo thông báo thì chuyển số dư nợ vi phạm sang nợ quá hạn.

3. Chuyển nợ quá hạn

- Bên vay sử dụng tiền vay sai mục đích được ghi trong Hợp đồng tín dụng, tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm Bên vay không thực hiện trả hết số dư nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số dư nợ vi phạm chưa trả đó sang nợ quá hạn; các trường hợp chuyển nợ quá hạn tại khoản 3 Điều 5 hợp đồng này.

- Khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay gửi thông báo cho Bên vay hoặc người được ủy quyền theo Mẫu số 11/LĐNN, đồng thời thông báo cho các cơ quan liên quan (Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, chính quyền địa phương,...) để tìm biện pháp thu hồi nợ hoặc làm thủ tục chuyển hồ sơ sang cơ quan Pháp luật để đề nghị xử lý.

4. Xử lý tài sản bảo đảm

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển số dư còn lại của khoản vay sang nợ quá hạn hoặc trường hợp có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì Bên cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ đến cơ

quan Nhà nước có thẩm quyền để đề nghị xử lý. Việc xử lý tài sản bảo đảm được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và của NHCSXH.

5. Bên cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có) đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;
- Bên vay có nợ quá hạn, có năng lực tài chính, có khả năng trả nợ nhưng cố tình không trả nợ theo thỏa thuận;
- Bên vay có hành vi lừa đảo
- Bên vay vi phạm các quy định khác của pháp luật.

Điều 7. Quyền và Nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng này, các quy định nghiệp vụ cho vay của NHCSXH và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

2. Có quyền yêu cầu bên vay thực hiện các điều khoản thỏa thuận;

3. Có quyền trực tiếp kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, sử dụng vốn vay, trả nợ và yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay;

4. Chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện bên vay cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng.

5. Được quyền trích tài khoản tiền gửi thanh toán của Bên vay tại các chi nhánh, phòng giao dịch thuộc NHCSXH và đề nghị trích tài khoản tiền gửi của Bên vay tại các Tổ chức tín dụng khác để thu nợ đến hạn, quá hạn.

6. Được quyền yêu cầu Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài có nghĩa vụ: sử dụng vốn vay của Bên vay đúng mục đích; phối hợp cùng NHCSXH nơi cho vay trong việc thu hồi nợ của Bên vay.

7. Khởi kiện, tố cáo khách hàng vi phạm Hợp đồng tín dụng hoặc Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài sử dụng vốn vay của người đi lao động không đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

8. Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng mà Bên vay không trả được nợ và không được Bên cho vay xem xét gia hạn nợ, Bên cho vay có quyền xử lý tài sản bảo đảm vốn vay theo sự thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

9. Các quy định khác nếu có.

Điều 8. Quyền và Nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng này, các quy định nghiệp vụ cho vay của NHCSXH và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan;

2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

4. Trả nợ gốc, lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các văn bản đã cam kết; được trả nợ gốc trước hạn;

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay và các cơ quan có thẩm quyền trong sử dụng vốn vay và trả nợ;

6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về nơi cư trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay;

7. Tạo điều kiện thuận lợi để NHCSXH kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản bảo đảm tiền vay;

8. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về việc trả nợ vay.

Điều 9. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.

3. Hợp đồng này và các văn bản bổ sung Hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc và lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này hết hiệu lực thi hành.

5. Các nội dung không quy định tại Hợp đồng này sẽ được thực hiện theo các văn bản hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 10. Một số thỏa thuận khác

.....
Điều 11. Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, 01 bản lưu tại Bên cho vay, 01 bản gửi Bên vay, 01 bản gửi Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có)./.

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG
(Kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/HĐ - TD ngày
...../...../.....)

1. PHẦN THEO DÕI CHO VAY- THU NỢ

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền	Dư nợ	Đơn vị: đồng	
				Chữ ký	
				Người vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6

2. PHẦN THEO DÕI ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ, GIA HẠN NỢ

Đơn vị:

đồng

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký Kế toán
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	
1	2	3	4	5	6

3. PHẦN THEO DÕI NỢ QUÁ HẠN

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn	Dư nợ quá hạn	Đơn vị: đồng	
				Chữ ký kế toán	
1	2	3	4	5	

4. XÁC ĐỊNH LẠI KỲ HẠN TRẢ NỢ CUỐI CÙNG (nếu có)

.....



NHCSXH tỉnh/thành phố
PGD quận/huyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN
KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY**

Hôm nay, ngày tháng năm tạithôn.....
xã..... huyện..... tỉnh

I. Thành phần tham gia kiểm tra

- 1. Ông(bà) chức vụ
- 2. Ông(bà) chức vụ
- 3. Ông(bà) chức vụ

II. Khách hàng vay vốn (người được ủy quyền)

- 1. Ông(bà)
- 2. Ông(bà)

Chúng tôi tiến hành kiểm tra việc sử dụng vốn vay của khách hàng vay vốn là ông (bà): theo Hợp đồng tín dụng số ký ngày / / với Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
Số tiền được vay là.....đồng.
(Bằng chữ:.....)

Mục đích sử dụng vốn vay:
Thời hạn cho vay tháng, kể từ ngày / / đến ngày / /;
Cam kết trả nợ tháng/kỳ, số tiền gốc/kỳ và lãi

III. Nội dung kiểm tra

1. Về việc sử dụng vốn vay: Xác nhận thông qua người ủy quyền, công an xã, trưởng thôn và Lãnh đạo UBND cấp xã để kiểm tra và xác nhận việc xuất cảnh của khách hàng vay vốn

2. Về tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay của người vay vốn: bản sao kết quả cấp thị thực từ cơ quan có thẩm quyền, vé máy bay và thông báo xuất cảnh của Doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (nếu có)

.....

.....

3. Đối chiếu dư nợ vay

- Số tiền thực tế NHCSXH đã
giải ngân cho vay ngày.....tháng....nămlàđồng.

- Kiểm tra thực tế gồm: số tiền vay thực nhận làđồng,
dư nợ đến thời điểm kiểm tra là đồng, lãi đã trả đến
tháng...../.....

- Chênh lệch:

4. Kiểm tra tài sản bảo đảm (nếu có): Căn cứ vào biên bản kiểm tra
thẩm định tài sản bảo đảm, bản thẩm định về danh mục tài sản bảo đảm, các
thông tin về tài sản bảo đảm để kiểm tra, đánh giá về tình trạng thay đổi đối với
tài sản để bảo đảm tiền vay

.....

.....

.....

5. Ý kiến của cán bộ kiểm tra

.....

.....

.....

6. Ý kiến của khách hàng vay vốn hoặc người được ủy quyền

.....

.....

.....

.....

**KHÁCH HÀNG VAY VỐN
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Ghi chú: Biên bản kiểm tra sử dụng vốn vay được sử dụng cho việc kiểm tra sau thời điểm giải ngân
30 ngày và kiểm tra đột xuất. Biên bản này được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại NHCSXH, 01 bản
gửi cho khách hàng vay vốn hoặc người được ủy quyền .*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

**Thỏa thuận về việc Doanh nghiệp chuyển tiền lương
của người lao động để trả nợ, trả lãi tiền vay Ngân hàng Chính sách xã hội**

Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015 và các văn bản quy định của pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm và Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ văn bản số: 7886/NHCS-TDNN ngày 24/10/2019 về việc Hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài của Tổng Giám đốc NHCSXH;

Căn cứ Hợp đồng ký kết giữa ông (bà)
với Doanh nghiệp
đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, số ngày...../...../.....

Hôm nay, ngày/...../..... Tại:
chúng tôi cùng nhau thỏa thuận, thống nhất về việc Doanh nghiệp chuyển tiền lương của người lao động để trả nợ tiền vay (gốc, lãi) cho NHCSXH, với thành phần và nội dung cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA

1. Ngân hàng Chính sách xã hội

- Ngân hàng Chính sách xã hội
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Người đại diện: Chức vụ:
- Giấy ủy quyền (nếu có): Số ngày ... tháng ... năm của

2. Doanh nghiệp

- Tên Doanh nghiệp.....
- Địa chỉ:
- Điện thoại:

- Người đại diện: Chức vụ:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....
Nơi cấp
- Giấy ủy quyền (nếu có): Số ngày ... tháng ... năm của
.....
Số tài khoản tại Ngân hàng

3. Người vay vốn

- Họ tên người vay:
- Ngày sinh:/...../.....; giới tính; dân tộc
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....
Nơi cấp
- Hộ khẩu thường trú:
- Địa chỉ hiện tại:
- Số điện thoại:
- Tài khoản tiền gửi:..... Tại Ngân hàng
- Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài: số, ngày...../...../.....

II. NỘI DUNG THỎA THUẬN

1. Người lao động đồng ý chấp thuận cho Doanh nghiệp được quyền trích tiền lương theo định kỳ tháng/lần để chuyển vào tài khoản tiền gửi thanh toán của người lao động được mở tại NHCSXH nơi cho vay để trả nợ gốc, lãi tiền vay, cụ thể:

- Loại tiền tệ: VNĐ (Việt Nam đồng).
- Số tiền trích mỗi kỳ: đồng;

(Bằng chữ)

2. Doanh nghiệp có trách nhiệm trích đúng, trích đủ số tiền nêu trên của người lao động để chuyển vào tài khoản tiền gửi thanh toán đúng tên người vay là: số tài khoản:.....
mở tại NHCSXH

3. Đến kỳ hạn thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, NHCSXH nơi cho vay được quyền trích tài khoản tiền gửi thanh toán của người vay mở tại NHCSXH nơi cho vay để thu nợ, thu lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng này.

4. Các bên cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Những nội dung không đề cập trong Hợp đồng này được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của NHCSXH và các quy định hiện hành của pháp luật. Khi xảy ra tranh chấp, các bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi. Trường hợp các bên không giải quyết được bằng thương lượng, các bên sẽ giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi NHCSXH đóng trụ sở.

Hợp đồng này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện./.

Người lao động
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện
Doanh nghiệp**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Đại diện
Ngân hàng Chính sách xã hội**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

Kính gửi: Chi nhánh /Phòng giao dịch NHCSXH

Họ và tên người vay vốn/người được ủy quyền:.....
Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Dân tộc:..... Giới tính:
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....
Nơi cấp
Nơi cư trú:
Theo Hợp đồng tín dụng số ngày tháng..... năm,
tôi đã được Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH.....
cho vay số tiền là đồng
(Bằng chữ:)
Số tiền đến hạn trả nợ gốc là: đồng.
Ngày đến hạn: ngày..... tháng năm
Số tiền nợ gốc chưa trả được là đồng.
Vì lý do:.....

.....
Đề nghị Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH
cho phép tôi được kéo dài thời hạn trả khoản nợ gốc nêu trên đến ngày.....
tháng năm.....
Tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày tháng năm

Ý kiến nhận xét của cán bộ tín dụng
.....
.....

Người vay vốn hoặc
được ủy quyền
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là
- Thời gian điều chỉnh đến ngày/...../.....

Ngày..... tháng.....năm.....

TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH – NGHIỆP VỤ HOẶC
TỔ TRƯỞNG TỔ KẾ HOẠCH – NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên và đóng dấu)

ĐV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Chi nhánh /Phòng giao dịch NHCSXH

Họ và tên người vay vốn/người được ủy quyền.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../..... Dân tộc:..... Giới tính:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:; ngày cấp/...../.....

Nơi cấp

Nơi cư trú:

Theo Hợp đồng tín dụng số ngày..... tháng năm,

tôi đã được Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH

cho vay số tiền là đồng

(Bằng chữ:))

Số tiền đến hạn trả nợ gốc là: đồng.

Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày tháng năm

Số tiền nợ gốc chưa trả được là đồng.

Vì lý do:.....

Đề nghị Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH

cho gia hạn số dư nợ gốc nêu trên đến ngày tháng năm

Tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày tháng năm.....

Ý kiến nhận xét của cán bộ tín dụng

.....

.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người vay vốn hoặc
người được ủy quyền**

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được gia hạn nợ gốc là đồng.

- Thời gian gia hạn nợ :.....tháng . Hạn trả nợ cuối cùng đến ngày .../...../.....

..., Ngày..... tháng..... năm...

**TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH-NGHIỆP VỤ HOẶC
TỔ TRƯỞNG TỔ KẾ HOẠCH-NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



NHCSXH tỉnh/thành phố
PGD quận, huyện....

Mẫu số 10/LĐNN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO NỢ ĐẾN HẠN

Kính gửi: Ông (bà)

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số HĐ-TD, ngày tháng năm
giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
với ông (bà):

Theo thỏa thuận đến ngày tháng năm là ngày đến hạn trả
nợ cuối cùng của hợp đồng tín dụng, với số tiền nợ gốc là
đồng và lãi chưa trả là đồng.

Nếu đến ngày tháng năm Ông (bà)
không đến trả nợ hoặc không làm các thủ tục đề nghị gia hạn nợ, Chi
nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ chuyển sang nợ quá
hạn, lãi suất nợ quá hạn là %/năm.

Yêu cầu Ông (bà)
trả nợ số tiền trên hoặc liên hệ Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách
xã hội để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Thông báo nợ đến hạn được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại NHCSXH, 01 bản gửi cho
khách hàng vay vốn hoặc người được ủy quyền

NHCSXH tỉnh, TP.....
PGD quận, huyện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi: Ông (bà)

Địa chỉ:

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....
thông báo:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số ngày tháng năm giữa
Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
với khách hàng vay vốn là ông (bà):

- Số nợ gốc đến hạn ngày tháng năm là đồng.

- Số tiền gốc chưa trả đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày.....thángnăm
là đồng.

(Bằng chữ:).

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay tương ứng của các kỳ
theo quy định.

Lý do chuyển nợ quá hạn:

.....
.....

Yêu cầu Ông (bà)

tìm mọi biện pháp sớm trả nợ số tiền nợ quá hạn nói trên cho Chi nhánh/Phòng
giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Thông báo chuyển nợ quá hạn được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại NHCSXH, 01 bản gửi
khách hàng vay vốn hoặc người được ủy quyền.

NHCSXH tỉnh, TP.....
PGD quận, huyện

Mẫu số 12/LĐNN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO CHẤM DỨT CHO VAY

Kính gửi: Ông (bà)

Địa chỉ:

Ngày..... tháng năm, giữa Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội và Ông (bà) đã ký Hợp đồng tín dụng số/HĐ-TD, ngày/...../..... để

Mức duyệt cho vay:..... đồng; Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH đã giải ngân số tiền đồng và dư nợ đến ngày...../...../..... là đồng.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo chấm dứt cho vay đối với Ông (bà) do đã vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng số HĐ-TD, ngày...../...../..... , theo biên bản kiểm tra ngày/...../..... kèm theo, cụ thể:

-
-
-

Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ ngày thông báo, Ông (bà)

.....
phải thực hiện trả nợ trước hạn, nếu ông (bà) không thực hiện trả nợ Chi nhánh/Phòng giao dịch NHCSXH chuyển nợ quá hạn số tiền nêu trên.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thông báo để ông (bà) được biết./.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: Thông báo chấm dứt cho vay được lập thành 02 bản: 01 bản lưu tại NHCSXH, 01 bản gửi cho khách hàng vay vốn hoặc người được ủy quyền.

